



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 01

Ngày 01 tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

23-10-2015- Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh.

3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

03-11-2015- Quyết định số 5614/QĐ-UBND về ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

36

- 11-11-2015- Quyết định số 5925/QĐ-UBND về ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố hướng tới sự hài lòng của người bệnh”. 39
- 12-11-2015- Quyết định số 5965/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản. 47
- 13-11-2015- Quyết định số 5983/QĐ-UBND về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở phường Bình Trưng Đông, Quận 2. 54

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 09-01-2015- Quyết định số 47/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2014. 69

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/2015/QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày 23 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn huyện Bình Chánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ

hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Báo cáo số 791/BC-TP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Trưởng phòng Tư pháp và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ, tại Tờ trình số 1595/TTr-NV ngày 28 tháng 9 năm 2015 và Tờ trình số 1788/TTr-NV ngày 23 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng Phòng Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Quận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn huyện Bình Chánh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung thi đua và phương thức tổ chức phong trào thi đua; đối tượng thi đua, khen thưởng; tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng; trách nhiệm quản lý nhà nước và thẩm quyền quyết định khen thưởng; trình tự thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng; tổ chức trao thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; xử lý các vi phạm về công tác thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng thi đua, khen thưởng

Bao gồm tất cả các tổ chức, tập thể, cá nhân: Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan tổ chức nước ngoài tại địa phương huyện Bình Chánh có thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển địa phương huyện Bình Chánh; các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, các hội quần chúng, các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần, các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn Huyện có công trạng và thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển huyện Bình Chánh, đều được Ủy ban nhân dân Huyện xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Điều 3. Những nguyên tắc chung trong công tác thi đua, khen thưởng

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, xây dựng, chỉ đạo phong trào thi đua, tổ chức thực hiện giao ước thi đua giữa các Cụm, Khối thi đua; tổ chức phát động thi đua, đăng ký giao ước thi đua gắn với

nhiệm vụ, công tác được giao. Theo năm kế hoạch và từng đợt thi đua, đợt vận động, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn phải có trách nhiệm xem xét, đánh giá, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua để xét chọn những tập thể và cá nhân trong đơn vị đã lập thành tích, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để biểu dương khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng, chú trọng công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng điển hình tiên tiến.

2. Tập thể, cá nhân lập được công trạng, thành tích trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển nền kinh tế, xã hội của Huyện đều được xét đề nghị khen thưởng. Các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội phải có trách nhiệm phát hiện, xem xét các tập thể, cá nhân có thành tích, kịp thời động viên, khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng. Không bỏ sót tập thể, cá nhân có thành tích; khen thưởng những tập thể, cá nhân không có thành tích hoặc chưa đủ thành tích, điều kiện để khen thưởng.

3. Hoạt động thi đua được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

4. Công tác khen thưởng thực hiện trên nguyên tắc chính xác, dân chủ, công khai, công bằng và kịp thời và có tác dụng động viên, nêu gương. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khen thưởng tập thể nhỏ, cá nhân là chính. Quan tâm, chú trọng khen thưởng cá nhân là đối tượng trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, hộ gia đình, đơn vị cơ sở; khen thưởng các tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước; khen thưởng gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm cứu người cứu tài sản; cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức công tác trong các lĩnh vực trọng tâm, trọng yếu, khó khăn, độc hại, nguy hiểm; tập thể từ yếu kém vươn lên.

5. Việc xét các tiêu chuẩn khen thưởng phải đảm bảo phù hợp, thành tích phải tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với công lao đóng góp, cống hiến cho Huyện, Thành phố; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức khen thưởng càng cao, không nhất thiết phải từ mức thấp đến mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau. Một hình thức khen thưởng có thể được xét tặng nhiều lần cho một đối tượng, không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.

6. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đề nghị khen thưởng cho các tập thể, cá nhân. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm theo dõi, phát hiện, quyết định khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên xét khen thưởng cho cấp dưới trực tiếp, trong một số trường hợp không nhất thiết phải chờ cấp dưới đề nghị mới khen thưởng.

7. Khi xét khen thưởng cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

Điều 4. Nhiệm vụ và nội dung thực hiện công tác thi đua, khen thưởng

1. Công tác thi đua, khen thưởng nhằm ghi nhận, đánh giá thành tích thi đua của các tập thể và cá nhân trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và phát triển của địa phương.

2. Công tác khen thưởng phải gắn liền với kết quả đạt được trong các phong trào thi đua, khắc phục tình trạng khen thưởng tràn lan mất cân đối giữa các lĩnh vực và các đơn vị. Khen thưởng phải đúng đối tượng, chính xác, kịp thời, có tác dụng động viên và nêu gương. Để khắc phục tình trạng xin, cho trong khen thưởng cần chú trọng thực hiện việc cấp trên chủ động xem xét, đánh giá và khen thưởng thành tích cho các cá nhân, đơn vị trực thuộc. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân phát hiện những trường hợp có thành tích xứng đáng phải có trách nhiệm báo cáo thành tích và kết quả cho cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

Điều 5. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua và công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng của Huyện.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Huyện có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Huyện ủy và Ủy ban nhân dân Huyện về công tác thi đua, khen thưởng. Phòng Nội vụ (cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện) tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng của Huyện, triển khai các quy định về thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình, thực tế của địa phương; đề xuất đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế của Huyện.

3. Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong phạm vi ngành, địa phương, cơ quan và đơn vị thuộc phạm vi

quản lý; chủ trì phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội để tổ chức phát động phong trào thi đua thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, Công ty trên địa bàn Huyện có trách nhiệm tham mưu giúp Thủ trưởng tổ chức phát động các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng trong phạm vi quản lý; nghiên cứu, đề xuất phương pháp đổi mới công tác thi đua, khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội Huyện trong phạm vi chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của tổ chức mình phối hợp với các cơ quan của Nhà nước để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng. Tổ chức giám sát việc thực hiện Luật Thi đua, Khen thưởng, kiến nghị bổ sung sửa đổi những bất hợp lý về chính sách khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan thông tin tuyên truyền

Đề nghị các cơ quan thông tin tuyên truyền trên địa bàn Huyện thực hiện tuyên truyền các phong trào thi đua, công tác khen thưởng, phổ biến những kinh nghiệm, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt trong phong trào thi đua và phản ánh các hành vi vi phạm pháp luật trong công tác thi đua, khen thưởng.

Chương II

HÌNH THỨC, NỘI DUNG TỔ CHỨC PHONG TRÀO THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua cho phù hợp, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

2. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng

thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau. Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

3. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua đề phân đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

a) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi ban, ngành, đoàn thể Huyện, công ty, xã, thị trấn, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng và đề nghị khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi của Huyện, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia có thành tích xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét tặng giấy khen hoặc đề nghị sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố khen thưởng, đề nghị cấp trên khen thưởng theo qui định.

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi của Huyện, các ban, ngành, đoàn thể Huyện, công ty, xã, thị trấn phải gửi kế hoạch tổ chức phát động và báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua gửi về Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) đề tổng hợp, hướng dẫn xét khen thưởng.

Điều 8. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Phải xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

3. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí

đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điềm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào, đánh giá kết quả thi đua; đối với đợt thi đua dài ngày phải tổ chức sơ kết vào giữa đợt để rút kinh nghiệm; kết thúc đợt thi đua tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, lựa chọn công khai để khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

Điều 9. Phương thức tổ chức phong trào thi đua

1. Đối với thi đua thường xuyên:

a) Trên cơ sở mục tiêu phân đấu nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng – an ninh, hàng năm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phát động phong trào thi đua yêu nước trong phạm vi toàn Huyện; thực hiện việc chia cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện theo quy định để tổ chức ký kết giao ước thi đua với Huyện.

b) Căn cứ nội dung phong trào thi đua yêu nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện phát động:

- Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao, Thủ trưởng các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch thực hiện và tổ chức phát động phong trào thi đua thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó đảm bảo hình thức, nội dung thi đua cụ thể, bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với điều kiện và khả năng thực hiện của cơ quan, đơn vị; sau khi triển khai, gửi Kế hoạch về Thường trực Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện (Phòng Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm tham gia đầy đủ hoạt động cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện. Riêng ngành giáo dục và đào tạo triển khai việc tổ chức thi đua, hoạt động cụm, khối thi đua của các trường, đơn vị sự nghiệp giáo dục theo năm học.

- Cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện phải xây dựng Quy chế của Cụm, Khối thi đua để hoạt động; hàng năm xây dựng Kế hoạch hoạt động Cụm, Khối trong năm; sau khi ban hành Quy chế, Kế hoạch triển khai hoạt

động, gửi các văn bản này về Phòng Nội vụ để tổng hợp, theo dõi; đảm bảo việc tổ chức sinh hoạt, giao ban định kỳ theo kế hoạch đề ra, gắn với các nội dung thực hiện có tính chất tương đồng giữa các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua.

c) Đăng ký thi đua

- Các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức cho các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi cơ quan, đơn vị quản lý tiến hành đăng ký các chỉ tiêu, nội dung thi đua, danh hiệu thi đua nhằm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm; tổng hợp và gửi văn bản đăng ký thi đua (chỉ tiêu thi đua và danh hiệu thi đua: Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua Chính phủ) về Phòng Nội vụ vào cuối tháng 02 hàng năm.

- Cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua trực thuộc Huyện tổ chức ký kết giao ước thi đua giữa các đơn vị thành viên trong cụm, khối, phấn đấu hoàn thành các nội dung, chỉ tiêu thi đua và danh hiệu thi đua đã đăng ký; gửi Văn bản đăng ký thi đua (chỉ tiêu thi đua và tổng hợp đăng ký danh hiệu thi đua) của cụm, khối thi đua về Phòng Nội vụ trước ngày 10 tháng 3 hàng năm.

- Phòng Nội vụ tổng hợp, theo dõi đăng ký thi đua đối với các cụm, khối thi đua, các cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ký, ban hành văn bản đăng ký danh hiệu thi đua từ cấp Thành phố trở lên (Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua của Chính phủ) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm.

d) Trên cơ sở kế hoạch triển khai phong trào thi đua yêu nước tại cơ quan, đơn vị, địa phương, định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (hàng quý đối với cơ quan, đơn vị; 6 tháng đối với cụm, khối) các cơ quan, đơn vị, cụm, khối thi đua báo cáo cho Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để theo dõi, đôn đốc, tổng hợp báo cáo và làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thi đua năm. Trong quá trình thực hiện phong trào cần chú trọng việc chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra; nâng cao vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua; việc phát hiện điển hình tiên tiến phải làm nhiệm vụ trọng tâm trong phong trào thi đua. Kết thúc phong trào gắn với năm công tác, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét thi đua,

đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Đối với thi đua chuyên đề:

Căn cứ tình hình thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn phát động phong trào thi đua theo chuyên đề trong một thời gian nhất định nhằm phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm, đột xuất hoặc thiết thực chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, đảm bảo xác định chủ đề, tên gọi phong trào dễ nhớ, dễ tuyên truyền và dễ thực hiện, nội dung thi đua bám sát với nhiệm vụ trọng tâm theo từng giai đoạn, giải pháp thực hiện, phù hợp với tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương (gửi Phòng Nội vụ theo dõi, tổng hợp). Thực hiện sơ, tổng kết phong trào theo kế hoạch, căn cứ kết quả thực hiện chỉ tiêu thi đua, đơn vị phát động phong trào bình xét khen thưởng theo quy định.

Điều 10. Tổ chức đánh giá, chấm điểm, xếp loại thi đua

1. Đối với Cụm, Khối thi đua trực thuộc Huyện:

Kết thúc năm, các đơn vị thành viên gửi bảng chấm điểm thi đua về cụm trưởng, khối trưởng các cụm, khối thi đua để làm cơ sở bình xét thi đua. Căn cứ kết quả tự chấm điểm của các đơn vị thành viên và trên cơ sở chấm điểm của các sở, ban, ngành Thành phố đối với ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện hoặc trên cơ sở ban, ngành, đoàn thể Huyện chấm điểm đối với các xã, thị trấn, Cụm trưởng, Khối trưởng các cụm, khối thi đua tổ chức họp, đánh giá, chấm điểm kết quả giao ước thi đua đã thực hiện trong năm và bình xét thi đua, khen thưởng, bình bầu đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua; mời Thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện phụ trách cụm, khối cùng tham dự. Thời gian gửi hồ sơ tổng kết hoạt động cụm, khối thi đua (báo cáo tổng kết, biên bản họp, văn bản đề nghị khen thưởng các tập thể tiêu biểu xuất sắc) về Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) trước ngày 20 tháng 12 hàng năm.

2. Đối với các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, Công ty, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn:

a) Trên cơ sở tiêu chí, thang điểm thi đua theo quy định của Huyện, các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện, xã, thị trấn, công ty phải thực hiện việc tự chấm điểm, xếp loại thi đua cho cơ quan, đơn vị và gửi về Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Huyện (Phòng Nội vụ) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm.

b) Các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện cần xây dựng và

phổ biến công khai các nội dung, tiêu chí, thang điểm đối với các xã, thị trấn thuộc các lĩnh vực chuyên môn do cơ quan, đơn vị phụ trách, với thang điểm chấm thống nhất là 100 điểm; riêng các ban, ngành, đoàn thể Huyện có chia cụm thi đua đối với tổ chức cơ sở trực thuộc tại các xã, thị trấn (tương ứng với cơ cấu cụm thi đua trực thuộc Huyện) thì được phép cộng thêm 5 điểm thưởng cho đơn vị dẫn đầu cụm thi đua. Sau khi có kết quả đánh giá, phân loại, chấm điểm thi đua đối với các xã, thị trấn, các ngành, đoàn thể Huyện cần thông báo đến Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện và thông báo công khai kết quả cho xã, thị trấn, trong đó cần nêu điểm hạn chế, tồn tại để xã, thị trấn biết và có sự tập trung đầu tư chỉ đạo, chấn chỉnh những mặt còn hạn chế, yếu kém trên các lĩnh vực. Thời gian thông báo trước ngày 15 tháng 12 hàng năm; trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi có thông báo, các xã, thị trấn có quyền thắc mắc, khiếu nại đối các kết quả chấm điểm của các ngành, đoàn thể Huyện và các đơn vị này có trách nhiệm giải đáp, trả lời thắc mắc (nếu có).

c) Xã, thị trấn có trách nhiệm nhận xét, đánh giá vai trò quản lý, điều hành hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ của các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Huyện theo quy định.

Chương III

CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, TIÊU CHUẨN VÀ THẨM QUYỀN XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 11. Danh hiệu thi đua

Danh hiệu thi đua gồm có: danh hiệu thi đua đối với cá nhân, danh hiệu thi đua đối với tập thể và danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình.

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân: Lao động tiên tiến (Chiến sĩ tiên tiến: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể:

- Tập thể lao động tiên tiến (Đơn vị tiên tiến: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Tập thể lao động xuất sắc (Đơn vị quyết thắng: đối với lực lượng vũ trang nhân dân), Cờ thi đua cấp Thành phố, Cờ thi đua của Chính phủ.

- Ấp văn hóa, khu phố văn hóa.

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 12. Tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” (Chiến sĩ tiên tiến): Được xét công nhận mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm.

a) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho cán bộ, chiến sĩ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia các phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

b) Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

c) Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

d) Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

đ) Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

e) Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm

xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ). Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

f) Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân tiêu biểu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Là “Lao động tiên tiến”;

- Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của cơ quan, đơn vị thuộc Huyện.

c) Đối với cá nhân là thủ trưởng cơ quan, đơn vị: ngoài các tiêu chuẩn tại điểm a, khoản 2 của Điều này, còn phải đảm bảo các điều kiện sau: cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua, chỉ tiêu kế hoạch năm; đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” trở lên; tổ chức đảng, đoàn thể được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

d) Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học do Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp cơ sở giúp người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị xem xét, công nhận. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học cấp cơ sở do Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có

liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác (nếu cần thiết).

3. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Thành tích, sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của cá nhân đó có tác dụng ảnh hưởng đối với thành phố và do Hội đồng Khoa học, sáng kiến cấp Thành phố xem xét, công nhận.

b) “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” được xét không quá 15% trên tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” 03 lần liên tục của các đơn vị thuộc Huyện.

4. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

a) Được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

- Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

b) Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” lần thứ hai.

5. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm; đối với ngành giáo dục, đào tạo được xét vào thời điểm kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;

- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

6. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

a) Được xét công nhận hàng năm vào thời điểm kết thúc năm cho tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” theo tiêu chuẩn quy định; đối với ngành giáo dục, đào tạo được xét vào thời điểm kết thúc năm học cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Sáng tạo, vượt khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước;

- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

- Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

- Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

- Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

b) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét đối với các tập thể sau:

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Văn phòng Huyện ủy, Ủy ban Kiểm tra và các Ban thuộc Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Huyện và các đoàn thể Huyện, Ủy ban nhân dân xã, thị trấn;

- Các đơn vị sự nghiệp: trường học, bệnh viện và tương đương.

- Các đơn vị sản xuất kinh doanh: hợp tác xã, doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

c) Không xét công nhận danh hiệu thi đua đối với tập thể nhỏ có số lượng dưới 3 người.

7. Danh hiệu “Cờ thi đua cấp Thành phố”

a) Được xét tặng hàng năm cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc của Thành phố và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm;

- Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc Thành phố học tập;

- Nội bộ đoàn kết, tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

b) Đối tượng được tặng Cờ thi đua cấp Thành phố: các xã, thị trấn, trường học, bệnh viện, doanh nghiệp, hợp tác xã do Hội đồng Thi đua – Khen thưởng Thành phố tổ chức, công nhận các cụm, khối.

c) Đề được xét tặng “Cờ thi đua cấp Thành phố”, tập thể tiêu biểu xuất sắc phải được công nhận thông qua bình xét, đánh giá, so sánh theo các khối hoặc cụm thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố tổ chức.

8. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

a) Được xét tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc và đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm được giao trong năm;

- Có nhân tố mới, mô hình mới cho cả nước học tập;

- Nội bộ đoàn kết, đi đầu trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng

b) “Cờ thi đua của Chính phủ” được xét tặng cho các tập thể trong các trường hợp sau:

- Là là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong toàn quốc được lựa chọn trong số những tập thể đã được “Cờ thi đua cấp Thành phố”, bao gồm những tập thể dẫn đầu trong từng ngành, lĩnh vực và là những tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua toàn quốc của Thành phố.

- Là tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động, được đánh giá khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

c) “Cờ thi đua của Chính phủ” do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố xét chọn các tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất dẫn đầu các ngành, lĩnh vực trên cơ sở đề nghị “Cờ thi đua cấp Thành phố” của các đơn vị thuộc Thành phố và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

9. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”

Được xét tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn sau:

- Gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tích cực tham gia các phong trào thi đua của địa phương nơi cư trú;
- Gia đình hòa thuận, hạnh phúc, tiến bộ; tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng;
- Tổ chức lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, học tập đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả.

10. Danh hiệu “ấp, khu phố văn hóa” và tương đương

Được xét tặng cho ấp, khu phố và tương đương đạt tiêu chuẩn sau:

- Đời sống kinh tế ổn định và từng bước phát triển;
- Đời sống văn hóa, tinh thần lành mạnh, phong phú;
- Môi trường cảnh quan sạch đẹp;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước;
- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng.

Điều 13. Thẩm quyền xét, quyết định công nhận các danh hiệu thi đua

1. Thẩm quyền quyết định công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”:

a) Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc trong các cơ quan, đơn vị (gồm các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện các cơ quan thuộc Huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Huyện) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện ủy quyền cho Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Bệnh viện huyện Bình Chánh, Giám đốc Trung tâm Y tế dự phòng, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình, Trưởng Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng, Trưởng Ban Quản lý các chợ xét công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến” cho công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị.

c) Đối với cán bộ, công chức, nhân viên ủy nhiệm thu thuế, công an xã (bán chính quy), xã đội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn công nhận danh hiệu Lao động tiên tiến và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

- Trường hợp doanh nghiệp hoạt động độc lập, do Giám đốc doanh nghiệp xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

- Trường hợp doanh nghiệp là thành viên của tập đoàn kinh tế, Tổng công ty (hoặc tương đương) do Giám đốc doanh nghiệp thành viên xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến” và “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

- Trường hợp doanh nghiệp có trụ sở nằm trong các Khu công nghiệp, khu chế xuất do Giám đốc các doanh nghiệp công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”.

đ) Cơ quan quản lý về tổ chức, quỹ lương và người lao động chịu trách nhiệm xét công nhận các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền và trình cấp trên xét công nhận danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân. Đối với cơ quan quản lý tổ chức, quỹ lương theo hệ thống ngành dọc từ Trung ương đến cơ sở (gồm Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân, Chi cục Thi hành án dân sự, Chi cục thuế, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng, Bảo hiểm xã hội, Chi cục Thống kê, Liên đoàn Lao động,...) do cơ quan, đơn vị ngành dọc xét và công nhận các danh hiệu thi đua theo thẩm quyền.

2. Thẩm quyền quyết định tặng “Cờ thi đua của Thành phố”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét, công nhận.

3. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” do Thủ tướng Chính phủ xét, công nhận; Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” do Chính phủ xét, quyết định.

4. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn xét, quyết định.

5. Thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu “ấp - khu phố văn hóa” do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét, quyết định.

Chương IV

CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, TIÊU CHUẨN

VÀ THẨM QUYỀN XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 14. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận); có phạm vi ảnh hưởng lớn, có tác dụng nêu gương học tập trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 15. Nguyên tắc, điều kiện đề nghị xét khen thưởng

1. Khi xét khen thưởng cần căn cứ vào thành tích của các tập thể, cá nhân gắn liền với kết quả thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ công tác được giao, thành tích phải được căn cứ từ hiệu quả trong lao động, sản xuất, kinh doanh, trong nghiên cứu, trong công tác, chiến đấu, rèn luyện và học tập; hoặc có những sáng kiến, phát minh, đề tài, tác phẩm, áp dụng những kinh nghiệm mang lại hiệu quả cao.

2. Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó. Thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức khen thưởng cao, không nhất thiết

phải tuân tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau; không nhất thiết đề nghị lần khen sau phải cao hơn lần trước.

3. Trong một năm không trình hai hình thức khen thưởng cấp nhà nước cho một đối tượng (trừ khen thưởng đột xuất), bao gồm: Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, Huân chương, Huy chương các loại, danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc.

4. Đối với nữ là cán bộ lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng có quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung. Đối với khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ, kinh tế - xã hội, khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

5. Mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo là thời gian tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước đến thời điểm trình khen thưởng lần sau.

Điều 16. Hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn, thẩm quyền khen thưởng của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước

1. Các hình thức khen thưởng

a) Huân chương (các loại);

b) Huy chương (các loại):

c) Danh hiệu vinh dự nhà nước: Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú.

d) Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước;

đ) Kỷ niệm chương, Huy hiệu;

e) Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền

Thực hiện theo quy định của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

Điều 17. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do Thành phố tổ chức phát động và bình xét hàng năm;

b) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Thành phố (bao gồm: lập được thành tích cụ thể, đột xuất, gương người tốt - việc tốt; học sinh giỏi đạt giải nhất cấp Thành phố, thủ khoa các kỳ thi quốc gia, đạt giải cấp quốc gia, quốc tế; gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động từ thiện xã hội...có tác dụng, ảnh hưởng trong phạm vi Thành phố).

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

2. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc Thành phố;

c) 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Đối với các đơn vị thuộc Thành phố (không thuộc đối tượng công nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc và không được tặng Cờ thi đua hàng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố), căn cứ theo thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Việc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng theo đợt, khen thưởng theo chuyên đề ... chỉ thực hiện khi tiến hành tổng kết chuyên đề (5 năm, 10 năm, kết thúc nhiệm kỳ), hoặc theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố, của Bộ, ngành,

đoàn thể Trung ương. Việc khen thưởng hàng năm cho các hoạt động chuyên đề, các phong trào thi đua theo đợt, chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc mới đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại.

6. Đối với các đơn vị thuộc ngành dọc Trung ương, đối với các tập thể không nằm trong diện tổ chức bình xét thi đua thường xuyên hàng năm, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân về những thành tích đóng góp cụ thể cho Thành phố hoặc khen nhân dịp kỷ niệm truyền thống 05 năm, 10 năm, 20 năm thành lập ngành, đơn vị.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen đối với các tập thể, cá nhân tiêu biểu trong số các tập thể, cá nhân có 02 lần liên tục được các sở, ban ngành, đoàn thể Thành phố, các quận, huyện, Tổng công ty và Công ty thuộc Thành phố tặng Giấy khen về thành tích hàng năm.

8. Ủy ban nhân dân Thành phố không tặng Bằng khen cho các tập thể hoặc cá nhân khi Thành phố tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định, tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, diễn tập.

Điều 18. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh

1. Là hình thức khen thưởng vinh dự của Thành phố, khen thưởng cho người nước ngoài và các cá nhân trong và ngoài Thành phố, mỗi cá nhân chỉ được tặng một lần. Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định tặng thưởng; cá nhân được tặng Huy hiệu, không kèm theo tiền thưởng.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện để xét tặng Huy hiệu Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Đối với cá nhân trong các cơ quan, đơn vị có tổ chức bình xét thi đua hàng năm, phải có quá trình công tác, hoạt động tại Thành phố từ 10 năm trở lên và trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề nghị phải có ít nhất 1 lần đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố” và 01 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Đối với cá nhân không thuộc diện xét danh hiệu thi đua hàng năm, được căn cứ theo thành tích đóng góp cụ thể, nếu là người trong nước thì ngoài những đóng góp cụ thể trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm đề nghị phải được Ủy ban nhân

dân Thành phố tặng 02 Bằng khen.

c) Đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân: phải có những đóng góp tích cực trong vai trò nhiệm vụ của Đại biểu, phải có thời gian tham gia ít nhất 01 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp thành phố và ít nhất 02 nhiệm kỳ đối với Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

d) Đối với người nước ngoài: phải có công lao đóng góp cho sự phát triển của Thành phố trên các lĩnh vực.

Điều 19. Đối tượng, tiêu chuẩn, thẩm quyền tặng Cờ truyền thống của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Được xét tặng cho những đơn vị có tổ chức kỷ niệm ngày truyền thống 10 năm, 15 năm, 20 năm, 30 năm,... Cờ Truyền thống do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định, đơn vị được tặng một lá cờ có ghi tên đơn vị và không kèm theo tiền thưởng.

2. Đối tượng xét tặng Cờ Truyền thống gồm: Ủy ban nhân dân Huyện, các đơn vị sự nghiệp thuộc Huyện và doanh nghiệp đóng trên địa bàn Huyện.

3. Tiêu chuẩn để xét tặng Cờ Truyền thống:

a) Các đơn vị thuộc diện xét danh hiệu thi đua hàng năm: trong thời điểm đề nghị tặng Cờ truyền thống phải có ít nhất 01 Cờ thi đua của Thành phố hoặc 03 Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố. Giữa 02 lần đề nghị Cờ truyền thống phải cách nhau 10 năm.

b) Các đơn vị không có danh hiệu thi đua thì phải có ít nhất 3 Bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Bằng khen của Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

Điều 20. Đối tượng, tiêu chuẩn tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện

1. Giấy khen để tặng cho các cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tốt được bình xét trong phong trào thi đua, lập thành tích cụ thể có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của Huyện (học sinh giỏi đạt giải nhất các kỳ thi cấp Huyện, đạt giải nhất, nhì, ba hoặc Huy chương vàng, bạc, đồng các kỳ thi cấp Thành phố trở lên, gương người tốt – việc tốt, gương dũng cảm, vượt khó, hoạt động xã hội...là người trực tiếp lập thành tích, không khen thưởng huấn luyện viên trong các giải thể thao học sinh);

b) Lập được thành tích đột xuất;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực của Huyện;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

3. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp cụ thể về công sức, đất đai, tài sản cho địa phương, xã hội.

4. Việc khen thưởng chuyên đề, các phong trào thi đua chủ yếu áp dụng hình thức khen thưởng của cấp phát động phong trào, trường hợp tiêu biểu xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc trường hợp đặc biệt xuất sắc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen hoặc Chủ tịch Nước tặng Huân chương các loại. Việc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng theo chuyên đề chỉ thực hiện khi tiến hành sơ, tổng kết chuyên đề, theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Huyện hoặc của Thành phố.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện không xét tặng giấy khen trong khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức vào dịp tổng kết năm công tác (chủ yếu là xét danh hiệu thi đua); Riêng các đơn vị thuộc ngành dọc cấp trên quản lý (cơ quan quản lý về tổ chức, quỹ lương và nhân sự), Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện chỉ xem xét, tặng Giấy khen cho đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động Khởi thi đua thuộc Huyện, góp phần phát triển phong trào thi đua yêu nước thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, ổn định quốc phòng, an ninh trên địa bàn Huyện.

Chương V

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 21. Quy định về hồ sơ, thủ tục

Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP, Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Nội vụ.

1. Quy định chung về tuyển trình khen thưởng

a) Cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

b) Cấp nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo đợt (theo chuyên đề) chủ yếu sử dụng hình thức khen thưởng của cấp mình; trường hợp thành tích xuất sắc, tiêu biểu có tác dụng trong phạm vi Huyện, Thành phố hoặc toàn quốc thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện tặng giấy khen hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Bằng khen hoặc trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân trực tiếp tham gia.

2. Về thủ tục đề nghị khen thưởng**a) Thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp**

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng được thành lập để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động theo quy chế và theo quy định của pháp luật.

Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định số lượng thành viên Hội đồng, trong đó: Chủ tịch là thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Phó Chủ tịch là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc, tổ chức công đoàn; các thành viên gồm đại diện tổ chức Đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực cần thiết của cơ quan, đơn vị.

b) Kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp:

Khi xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu vinh dự Nhà nước, các thành viên Hội đồng Thi đua – Khen thưởng phải bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu); Đối với các hình thức khen thưởng khác, tỷ lệ phiếu bầu phải đạt từ 50% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

c) Hội đồng xét sáng kiến:

Hội đồng xét sáng kiến của Huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện quyết định thành lập, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu, giải pháp hữu ích, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ để công nhận “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và đề nghị xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”. Thành phần của Hội đồng xét sáng kiến gồm các thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến và các thành viên khác (nếu cần thiết).

d) Lấy ý kiến hiệp y khen thưởng:

Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các cơ quan có liên quan để có thêm căn cứ xác định trước khi quyết định khen thưởng.

Các hình thức phải lấy ý kiến hiệp y gồm: danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, Huân chương các loại, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các đơn vị là cấp trực thuộc trực tiếp Ủy ban nhân dân Huyện (có hệ thống ngành dọc của sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố) và cá nhân là thủ trưởng của các đơn vị trên.

3. Trình tự đề nghị xét khen thưởng

a) Việc xét trình Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với tập thể, cá nhân có thành tích phải được thực hiện từ cơ sở, phải căn cứ vào kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, kết quả đánh giá xếp loại của cán bộ, công chức, viên chức cuối năm theo quy định và kết quả đánh giá phong trào thi đua, công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị. Phòng Nội vụ tiếp nhận, tổng hợp, thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, cụm trường, khối trường các cụm, khối thi đua, thực hiện quy trình xét khen thưởng theo quy định và thông qua Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện theo quy chế hoạt động của Hội đồng.

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc Huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp xét, thông qua cơ quan quản lý phê duyệt, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng, trình Trung ương khen thưởng theo quy định.

c) Đối với các Cụm, Khối thi đua trực thuộc Huyện: do Ủy ban nhân dân Huyện

khen thưởng và đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng đối với đơn vị dẫn đầu Cùm thi đua (các xã, thị trấn).

d) Đối với các doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã, thị trấn sẽ do Ủy ban nhân dân xã, thị trấn khen thưởng, đề xuất Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng.

- Doanh nghiệp đóng tại khu công nghiệp thì do Ban Quản lý khu công nghiệp đề nghị Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng.

Điều 22. Hồ sơ đề nghị khen thưởng và thời gian giải quyết khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

a) Văn bản đề nghị khen thưởng: 02 bản chính;

b) Biên bản họp Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của cơ quan, đơn vị đề nghị khen thưởng hoặc biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị đề nghị. Trường hợp Ban Chỉ đạo, Hội đồng đề nghị khen thưởng thì phải có Biên bản họp lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo, Hội đồng: 02 bản chính;

c) Báo cáo thành tích (theo mẫu quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP) của tập thể, cá nhân đề nghị xét khen thưởng (phải có nhận xét, đánh giá và xác nhận thành tích của thủ trưởng quản lý trực tiếp của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo thành tích), cụ thể gồm: 02 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân Thành phố, Tập thể lao động xuất sắc, Chiến sĩ thi đua cấp Thành phố, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố; 06 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Cờ thi đua của Chính phủ; 07 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Huân chương, Huy chương các loại; 09 bản chính đối với hồ sơ đề nghị Chiến sĩ thi đua toàn quốc; 22 bản chính đối với hồ sơ đề nghị danh hiệu vinh dự Nhà nước. Bên cạnh đó gửi tóm tắt thành tích (kèm file) của tập thể, cá nhân khi đề nghị xét khen thưởng từ cấp Thành phố trở lên. Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Huyện, chỉ cần gửi 02 bản tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (hoặc lồng ghép nội dung tóm tắt thành tích trong danh sách đề nghị khen thưởng).

d) Báo cáo sáng kiến cải tiến, áp dụng sáng kiến cải tiến, các giải pháp, đề tài

đối với hồ sơ đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp: 02 bản chính. Chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài trong trường hợp đề nghị danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp.

đ) Danh sách các tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng: 02 bản chính. Đối với cá nhân phải thể hiện đầy đủ các thông tin về số thứ tự, giới tính, họ và tên, chức vụ - đơn vị hoặc địa chỉ, tóm tắt thành tích (trường hợp không có bản tóm tắt thành tích riêng), kết quả khen thưởng; đối với tập thể phải thể hiện các thông tin về số thứ tự, tên đơn vị, tóm tắt thành tích (trường hợp không có bản tóm tắt thành tích riêng), kết quả khen thưởng.

e) Riêng đối với các trường hợp là đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị này, hồ sơ đề nghị khen thưởng cần phải có văn bản xác nhận của cơ quan thuế về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của đơn vị tương ứng với thời gian đề nghị khen thưởng, trong đó đảm bảo các nội dung sau: Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký; Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước; Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản: phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên đối với các tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc, đột xuất, gồm 02 bộ chính:

a) Văn bản đề nghị (và ý kiến hiệp ý đề nghị khen thưởng của cơ quan quản lý nhà nước liên quan nếu có);

b) Bản tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp (cơ quan, đơn vị đề nghị có trách nhiệm tóm tắt thành tích cho tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng), trong đó ghi rõ hành động, thành tích, công trạng đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

3. Thời gian nộp hồ sơ và giải quyết khen thưởng:

a) Hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện khen thưởng

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất: gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong thời gian 05 ngày làm việc Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, ban hành Quyết định khen thưởng.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Phòng Nội vụ

(Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ, đúng thủ tục, trong thời gian 10 ngày làm việc Phòng Nội vụ tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, ban hành Quyết định khen thưởng.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm): gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm. Riêng ngành giáo dục và đào tạo, gửi hồ sơ về Phòng Nội vụ trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

b) Hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước:

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo chuyên đề: gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện), sau khi nhận đủ hồ sơ và các văn bản hướng dẫn cấp Thành phố (nếu có), trong thời gian 07 ngày làm việc, Phòng Nội vụ tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xem xét, đề nghị khen thưởng theo yêu cầu của sở, ngành Thành phố có liên quan.

- Đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm): gửi về Phòng Nội vụ (Thường trực Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện) trước ngày 05 tháng 12 hàng năm; sau khi tổng hợp, thẩm định, trình Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện, Phòng Nội vụ hoàn chỉnh hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng (thông qua Ban Thi đua – Khen thưởng Thành phố) trước ngày 15 tháng 3 hàng năm đối với hồ sơ đề nghị cấp Thành phố và trước ngày 30 tháng 4 hàng năm đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước; riêng ngành giáo dục và đào tạo trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

4. Thông báo về kết quả khen thưởng

a) Các tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định hồ sơ thông báo cho đơn vị trình khen biết.

b) Các tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng quyết định), cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

5. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ đề nghị khen thưởng và kết quả khen thưởng đạt được theo quy định của Luật Lưu trữ để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn thư khiếu nại hoặc xác nhận cho các đối tượng được khen thưởng khi có yêu cầu.

Chương VI **QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

Điều 23. Nguồn, mức trích và sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

Nguồn hình thành, mức trích, sử dụng quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67, 68 của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010, Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính, Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 24. Quản lý Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ, mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan cấp nào ra quyết định khen thưởng thì cấp đó chịu trách nhiệm chi tiền thưởng từ nguồn tiền thưởng do cấp mình quản lý.

3. Việc sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng được thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

Điều 25. Mức tiền thưởng

1. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo các quy định từ Điều 70 đến Điều 76, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Thông tư số 71/2011/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính.

2. Trong một số trường hợp để kịp thời động viên khen thưởng đột xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Huyện có thể quyết định mức thưởng cụ thể trên cơ sở cân đối từ nguồn quỹ thi đua, khen thưởng của Huyện đối với tập thể, cá nhân có hành động

dùng cảm cứu người, cứu tài sản, khắc phục khó khăn, lập được thành xuất sắc đột xuất, góp phần bảo vệ tài sản, tính mạng của người dân trên địa bàn Huyện.

3. Không chi tiền thưởng đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng về thành tích đóng góp, ủng hộ trong các cuộc vận động ủng hộ đồng bào thiên tai, đóng góp công tác từ thiện xã hội,...

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Xử lý vi phạm trong công tác khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân được khen thưởng có hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng sẽ bị xử lý theo Điều 80, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng sẽ bị xử lý theo Điều 81, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 27. Khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 81, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng theo quy định hiện hành của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 28. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu

Thực hiện theo quy định tại Điều 84, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

Chương VIII

CÔNG TÁC THÔNG TIN TUYÊN TRUYỀN, NGHI THỨC TRAO TẶNG CÁC HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ NHÂN RỘNG ĐIỂN HÌNH TIÊN TIẾN

Điều 29. Công tác thông tin tuyên truyền

1. Việc nhân rộng điển hình tiên tiến phải được quán triệt sâu sắc và được tổ

chức thực hiện thường xuyên nhằm góp phần thúc đẩy phong trào thi đua phát triển sâu rộng.

2. Hội đồng Thi đua, Khen thưởng Huyện phối hợp Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Phòng Văn hóa và Thông tin, Đài Truyền thanh, Bản tin Bình Chánh tổ chức thông tin tuyên truyền, giới thiệu, biểu dương những nhân tố tích cực, gương “người tốt, việc tốt” tiêu biểu, những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua, phong trào hành động cách mạng của quần chúng và các trường hợp được khen thưởng.

Điều 30. Nghi thức trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua

1. Việc tổ chức nghi thức trao tặng các hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua được quy định tại Điều 25, Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ phải đảm bảo trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả, có tác dụng động viên, giáo dục nêu gương, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

2. Không tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước và các hình thức khen thưởng cấp cao riêng, kết hợp tổ chức cùng với các Lễ kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống của ngành, đơn vị, địa phương.

3. Nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu vinh dự Nhà nước, Huân chương, Huy chương, Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ phải được thực hiện theo quy định tại Điều 28, Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Chỉ công bố, trao tặng và đón nhận một lần đối với mỗi quyết định khen thưởng, không tổ chức diễu hành hoặc đón rước từ cấp này, địa điểm này đến cấp khác, địa điểm khác; trao tặng từ hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua từ thứ bậc cao đến thứ bậc thấp. Trường hợp cùng một hình thức khen thưởng thì trao tặng cho tập thể trước, cá nhân sau; trao tặng trước, truy tặng sau.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Phòng Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân Huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn Huyện.

Điều 32. Ban Chỉ đạo thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” Huyện căn cứ vào các tiêu chuẩn cụ thể do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành để tham mưu các hình thức khen thưởng liên quan trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” hàng năm theo quy định.

Điều 33. Các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc cấp trên quản lý đóng trên địa bàn Huyện căn cứ hướng dẫn của cấp trên và vận dụng Quy định này thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, nhân rộng gương điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

Điều 34. Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể Huyện, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, thị trấn căn cứ Quy định này để triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Huyện (thông qua Phòng Nội vụ) để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Quận

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5614/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 11 năm 2015***QUYẾT ĐỊNH****Về ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ
do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Xây dựng tại Công văn số 1436/BXD-QLN ngày 30 tháng 6 năm 2015 về thực hiện Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 và Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BXD ngày 16 tháng 01 năm 2014 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 11073/TTr-SXD-KTXD ngày 17 tháng 9 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Đối tượng và phạm vi áp dụng:

1. Đối tượng:

- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý sử dụng nhà ở công vụ;
- Cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm vi áp dụng:

Các loại nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

Điều 2. Ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý như sau:

Đơn vị tính: đồng/m²/tháng

Loại nhà ở	Nhà ở loại chung cư cao tầng (Nhà ở công vụ Chung cư số 255 đường Trần Hưng Đạo, phường Cô Giang, Quận 1)	Nhà ở loại chung cư thấp tầng (Nhà ở công vụ thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ)	Nhà ở loại liên kế 1 tầng (Nhà ở công vụ xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ)
Đơn giá cho thuê 1 m ² sử dụng (đồng/m ² /tháng)	28.164	4.254	6.062

Điều 3. Giá cho thuê nhà ở được tính trên cơ sở giá cho thuê quy định tại Điều 1, được điều tiết tăng (+), giảm (-) với các hệ số điều chỉnh được quy định sau đây:

Hệ số điều chỉnh theo vị trí tầng cao:

+ Đối với nhà ở công vụ chung cư số 255 đường Trần Hưng Đạo, Quận 1 (có thang máy) với các hệ số tầng cao như sau:

Vị trí tầng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Hệ số tầng cao	1,20	0,80	0,85	0,90	0,92	1,00	1,01	1,02	1,10	1,20

+ Đối với nhà ở công vụ thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ (không có thang máy) với các hệ số tầng cao như sau:

Vị trí tầng	1	2
Hệ số tầng cao	1,1	0,9

Điều 4. Phương pháp xác định giá thuê nhà ở

1. Phương pháp xác định đơn giá cho thuê 1m² diện tích sử dụng nhà ở công vụ:

Đơn giá cho thuê nhà ở công vụ (đồng/m ² /tháng)	=	Đơn giá của loại, cấp nhà ở công vụ tương ứng quy định ở phần trên	x	Hệ số điều chỉnh
---	---	--	---	------------------

2. Tiền thuê nhà công vụ phải trả hàng tháng:

Tiền thuê nhà ở công vụ phải trả hàng tháng	=	Đơn giá cho thuê nhà ở công vụ	x	Diện tích sử dụng ghi trong hợp đồng thuê nhà ở công vụ
---	---	--------------------------------	---	---

Điều 5. Trường hợp nhà ở công vụ được bố trí sử dụng cho nhiều cá nhân thì giá thuê được tính như sau:

a) Trường hợp 1 cá nhân sử dụng độc lập: áp dụng nguyên giá thuê nhà ở công vụ theo loại tương ứng.

b) Trường hợp có nhiều cá nhân sử dụng theo công suất quy định của từng loại nhà ở công vụ: lấy tiền thuê nhà ở công vụ phải trả theo quy định chia đều cho số lượng cá nhân (theo công suất quy định) được bố trí cùng ở.

Điều 6. Nguyên tắc thu tiền thuê nhà ở công vụ

1. Tiền thuê nhà công vụ được thu hàng tháng.

2. Các cơ quan quản lý vận hành nhà ở công vụ thu trực tiếp từ người sử dụng nhà ở công vụ; quản lý và sử dụng nguồn thu tiền cho thuê nhà ở công vụ để làm cơ sở thanh quyết toán nguồn kinh phí này.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 8. Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện thống nhất Quyết định này trên địa bàn Thành phố. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để giải quyết những khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Kinh doanh nhà Thành phố, các tổ chức, cá nhân đang quản lý, sử dụng nhà ở công vụ do Thành phố Hồ Chí Minh quản lý có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5925/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố hướng tới sự hài lòng của người bệnh”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04 tháng 6 năm 2015 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”;

Căn cứ Quyết định số 3725/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về thành lập Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Công văn số 7217/SYT-TCCB ngày 13 tháng 10 năm 2015 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 4061/TTr-SNV ngày 29 tháng 10 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Làm việc của Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch

**“Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ
y tế Thành phố hướng tới sự hài lòng của người bệnh”**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5925/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11
năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và trách nhiệm của Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) trong việc thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở làm việc: đặt tại Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh, số 59 đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, triển khai thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” tại các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý;

2. Các thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo, thực hiện và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công;

3. Trưởng ban Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân Thành phố; Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Sở Y tế trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động thuộc phạm vi trách nhiệm được giao;

4. Đảm bảo dân chủ, rõ ràng, khách quan, công khai, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO

Điều 3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân Thành phố trong việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” tại các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý;

2. Xây dựng và chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định;

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý thành lập Ban Chỉ đạo tại các đơn vị;

4. Triển khai đầy đủ các nội dung trong Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” đã được phê duyệt;

5. Kiểm tra, đôn đốc và giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” của các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý;

6. Đề xuất với Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố các biện pháp chỉ đạo giải quyết kịp thời những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch trên địa bàn Thành phố;

7. Định kỳ sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, phổ biến nhân rộng các gương điển hình tiêu biểu; kịp thời khen thưởng và đề nghị cấp thẩm quyền khen thưởng các cá nhân, tập thể, cơ quan, đơn vị có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong công tác triển khai thực hiện kế hoạch.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo Trung ương phân công.

Điều 4. Quyền hạn của Ban Chỉ đạo

1. Quyết định thành lập Tổ Công tác giúp việc cho Ban Chỉ đạo;

2. Giải quyết các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch;

3. Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý trong việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch;

4. Đề xuất cơ quan có thẩm quyền phê bình, xử lý đối với cá nhân, tổ chức chậm trễ, thiếu trách nhiệm hoặc có hành vi sai trái, cản trở tiến trình, ảnh hưởng kết quả triển khai kế hoạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN CHỈ ĐẠO

Điều 5. Trưởng ban Ban Chỉ đạo - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Lãnh đạo, điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân Thành phố về nhiệm vụ được giao;

2. Chủ trì và kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo;

3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo;

4. Quyết định các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo;

5. Đề xuất, kiến nghị với Trung ương, Ủy ban nhân dân Thành phố các vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách, nội dung hoạt động của kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế của Thành phố;

6. Ủy quyền cho Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Trưởng ban khi cần thiết.

Điều 6. Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo - Giám đốc Sở Y tế

1. Thay mặt Trưởng ban điều hành hoạt động của Ban Chỉ đạo khi Trưởng ban vắng mặt hoặc được Trưởng ban ủy quyền;

2. Giúp Trưởng ban trong việc chỉ đạo hoạt động của Ban Chỉ đạo và chịu trách nhiệm về những công việc được Trưởng ban giao;

3. Trực tiếp giải quyết các công việc thường xuyên và ký các văn bản của Ban Chỉ đạo theo sự ủy quyền của Trưởng ban;

4. Tổ chức các cuộc họp, các buổi làm việc của Ban Chỉ đạo;

5. Đơn đốc các cơ sở y tế thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch.

Điều 7. Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo - Chủ tịch Công đoàn ngành Y tế Thành phố và Phó Giám đốc Sở Y tế phụ trách công tác khám chữa bệnh

1. Giúp Trưởng ban và Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” và chịu trách nhiệm về những công việc được Trưởng Ban giao;

2. Trực tiếp theo dõi, kiểm tra cập nhật thông tin và báo cáo Trưởng Ban, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo về tình hình triển khai thực hiện kế hoạch;

3. Chuẩn bị nội dung và tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo;

4. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 8. Ủy viên Thường trực Ban Chỉ đạo - Trưởng phòng Tổ chức cán bộ thuộc Sở Y tế

1. Làm đầu mối phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch đề ra;

2. Theo dõi, chỉ đạo việc tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo về tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch trên địa bàn Thành phố.

Điều 9. Thành viên Ban Chỉ đạo - Đại diện các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình, chỉ đạo hoặc đề xuất chỉ đạo đối với cán bộ y tế thuộc đơn vị mình quản lý phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch;

2. Đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc, khó khăn trong chỉ đạo việc tổ chức thực hiện kế hoạch;

3. Cùng Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch thuộc chức năng quản lý của đơn vị mình và truyền đạt ý kiến kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo đến đơn vị mình để phối hợp thực hiện;

4. Xây dựng và chỉ đạo tổ chức các chương trình, kế hoạch phối hợp liên ngành lồng ghép thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ trong việc triển khai thực hiện kế hoạch;

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban Ban Chỉ đạo phân công.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 10. Ban Chỉ đạo làm việc theo chế độ tập thể, các vấn đề được thảo luận, bàn bạc dân chủ; trường hợp có ý kiến khác nhau được ghi vào biên bản cuộc họp để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét cho ý kiến giải quyết. Tài liệu cuộc họp phải được gửi đến các thành viên Ban Chỉ đạo trước 03 ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp. Thành viên Ban Chỉ đạo có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, trường hợp không tham dự cuộc họp, thành viên Ban Chỉ đạo có thể ủy quyền 01 cán bộ thuộc đơn vị mình quản lý dự họp thay và phải chịu trách nhiệm về ý kiến của người được ủy quyền.

Điều 11. Kết luận của Ban Chỉ đạo phải thể hiện ý kiến của các thành viên tham dự cuộc họp, do Trưởng ban hoặc người được Trưởng ban ủy quyền ký. Trong quá trình thực hiện kết luận, nếu có vấn đề phát sinh, Ban Chỉ đạo tổ chức xin ý kiến các thành viên thống nhất giải quyết.

Điều 12. Ban Chỉ đạo họp định kỳ 6 tháng một lần, họp đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng ban Thường trực.

Điều 13. Theo dõi kiểm tra, sơ kết, tổng kết

1. Ban Chỉ đạo tiến hành tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung kế hoạch tại các cơ sở y tế thuộc Thành phố quản lý ít nhất 01 lần/năm.

2. Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; toàn bộ các hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo.

3. Tổ chức hội nghị sơ kết Kế hoạch triển khai thực hiện “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh” vào tháng 12 năm 2015. Hội nghị tổng kết cấp Thành phố được tổ chức trước ngày 25 tháng 11 hàng năm và ban hành phương hướng, kế hoạch nhiệm vụ năm tiếp theo.

4. Tùy theo nhiệm vụ công tác từng giai đoạn, Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng ban Thường trực tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động chung của Ban Chỉ đạo và các thành viên Ban Chỉ đạo.

Điều 14. Chế độ thông tin báo cáo

Trưởng Ban Chỉ đạo báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện kế hoạch tại Thành phố với Thường trực Thành ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 20 tháng 12 hàng năm, báo cáo về Ban Chỉ đạo cấp Trung ương vào ngày 25 tháng 12 hàng năm.

Điều 15. Ban Chỉ đạo phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức có liên quan khác để phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các nội dung Kế hoạch “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế Thành phố, hướng tới sự hài lòng của người bệnh”.

Điều 16. Kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo do ngân sách thành phố bảo đảm, được bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên của Sở Y tế. Việc quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo đúng mục đích và thanh toán, quyết toán theo quy định hiện hành.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Căn cứ vào quy chế này, Trưởng ban và các thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế này, nếu xét thấy cần thiết, Ban Chỉ đạo kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố điều chỉnh, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ được giao./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hứa Ngọc Thuận

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5965/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bãi bỏ văn bản

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Báo cáo số 3748/BC-TNMT-PC ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật đất đai theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố và đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số 5304/STP-KTrVB ngày 06 tháng 10 năm 2015 về thẩm định bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ rà soát văn bản về đất đai;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bãi bỏ 12 văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành (theo Danh mục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban - ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân phường - xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC VĂN BẢN BỊ BỎ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 12/11/2015
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về bãi bỏ văn bản)*

STT	Tên loại	Số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành	Trích yếu nội dung	Ngày có hiệu lực	Lý do bãi bỏ
1.	Công văn	1253/UB-QLĐT 04/11/1997	V/v chỉnh sửa giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở.	04/11/1997	Nội dung văn bản không còn phù hợp quy định pháp Luật Đất đai năm 2013, việc đình chính các loại giấy chứng nhận đã cấp được thực hiện theo quy định tại Điều 106 Luật Đất đai, Điều 86 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai
2.	Quyết định	36/2002/QĐ-UB 15/4/2002	V/v thu hồi nhà đất, điều chỉnh, di chuyển và quy định đền bù, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư cho các hộ dân cư đang cư ngụ trong khuôn viên trường học và bệnh viện thuộc sở hữu Nhà nước (do Thành phố quản lý) trên địa bàn Thành phố.	15/4/2002	Văn bản hết hiệu lực 1 phần theo Quyết định số 226/2003/QĐ-UB ngày 16/10/2003, Hết thời gian thực hiện quy định trong văn bản (30/6/2003), căn cứ ban hành, nội dung văn bản không còn phù hợp quy định Luật Đất đai năm 2013 và quy định, chính sách của Thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
3.	Quyết định	54/2003/QĐ-UB 17/4/2003	Về thu hồi nhà đất, điều chỉnh, di chuyển và quy định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại, tái định cư cho các hộ dân cư đang	17/4/2003	Văn bản hết hiệu lực 1 phần theo QĐ 228/2003/QĐ-UB ngày 16/10/2003, hết thời gian thực hiện quy định

			<p>cư ngụ trong khuôn viên cơ sở thể dục thể thao, các cơ sở thuộc ngành lao động thương binh và xã hội thuộc sở hữu Nhà nước (do Thành phố quản lý) trên địa bàn Thành phố.</p>		<p>trong văn bản (30/6/2004), căn cứ ban hành và nội dung văn bản không còn phù hợp quy định Luật Đất đai năm 2013 và quy định, chính sách của Thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p>
4.	Quyết định	<p>226/2003/QĐ-UB 16/10/2003</p>	<p>Điều chỉnh điểm 1.1 khoản 1 điều 2 phần I Quy định về đền bù, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho các hộ dân cư đang cư ngụ trong khuôn viên trường học và bệnh viện thuộc sở hữu Nhà nước (do Thành phố quản lý) trên địa bàn thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 36/2002/QĐ-UB ngày 15 tháng 4 năm 2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố.</p>	16/10/2003	<p>Căn cứ ban hành và nội dung văn bản không còn phù hợp quy định Luật Đất đai năm 2013 và quy định, chính sách của Thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p>
5.	Quyết định	<p>228/2003/QĐ-UB 16/10/2003</p>	<p>Điều chỉnh điểm 1.1 khoản 1 điều 2 phần I Quy định về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư cho các hộ dân cư đang cư ngụ trong khuôn viên cơ sở thể dục thể thao, các cơ sở thuộc ngành lao động thương binh và xã hội thuộc sở hữu Nhà nước (do Thành phố quản lý) trên địa bàn Thành phố (ban hành kèm theo Quyết định 54/2003/QĐ-UB ngày 17 tháng 4 năm 2003).</p>	16/10/2003	<p>Căn cứ ban hành và nội dung văn bản không còn phù hợp quy định Luật Đất đai năm 2013 và quy định, chính sách của Thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.</p>
6.	Chỉ thị	<p>24/2004/CT-UB 31/8/2004</p>	<p>Về đầu tư và xây dựng 30.000 căn hộ chung cư dành cho việc tái định cư trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>	31/8/2004	<p>Hết thời gian thực hiện quy định trong văn bản, một số nội dung cần bổ sung, thay thế để phù hợp quy định pháp luật hiện hành: Luật Đất đai</p>

					năm 2013, Nghị định số 84/2013/NĐ-CP ngày 25/7/2013 của Chính phủ quy định về phát triển và quản lý nhà ở tái định cư.
7.	Quyết định	94/2006/QĐ-UBND 06/7/2006	Về đổi tên Trung tâm Thu hồi và Khai thác quỹ đất phục vụ đầu tư thành Trung tâm Phát triển quỹ đất và ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm Phát triển quỹ đất do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành.	16/7/2006	Đã có văn bản khác thay thế: Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 223/QĐ-TNMT-VP ngày 06/3/2012 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trung tâm Phát triển quỹ đất theo Quyết định số 3015/QĐ-UBND ngày 13/6/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ủy quyền trong công tác tổ chức nhân sự. Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.
8.	Quyết định	118/2007/QĐ-UBND 10/9/2007	Về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.	20/9/2007	-Văn bản hết hiệu lực 1 phần và đã bị tạm ngưng thực hiện theo Công văn số 5231/UBND-QLĐT ngày 04/10/2013 của UBND Thành phố - Nội dung còn hiệu lực có căn cứ ban hành thay đổi và nội dung không còn phù hợp quy định hiện hành..
9.	Quyết định	45/2008/QĐ-UBND	Ban hành quy định về trình tự, thủ tục và nội	12/6/2008	Một số căn cứ, nội dung không còn phù

		02/6/2008	dung lập dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.		hợp thực tế, Luật Đất đai 2013, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ TNMT quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 74/2015/TT-BTC hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
10.	Quyết định	47/2008/QĐ-UBND 09/6/2008	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 118/2007/QĐ-UBND ngày 10/9/2007 về phương thức mua, bán căn hộ chung cư hoàn chỉnh và chuyển nhượng nền đất ở đã có hạ tầng kỹ thuật để bố trí tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố.	19/6/2008	-Văn bản hết hiệu lực 1 phần, đã bị tạm ngưng thực hiện theo Công văn số 5231/UBND-QLĐT ngày 04/10/2013 của UBND Thành phố - Phần còn hiệu lực có căn cứ pháp lý thay đổi và nội dung không còn phù hợp quy định hiện hành.
11.	Quyết định	76/2008/QĐ-UBND 27/10/2008	Về phân cấp cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất.	06/11/2008	Văn bản hết hiệu lực một phần: Điều 2, 3 theo Quyết định số 77/2011/QĐ-UBND. Những nội dung còn lại không còn phù hợp Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản, Luật Đất đai 2013 và văn bản hướng dẫn.
12.	Chỉ thị	06/2010/CT-UBND 26/02/2010	Về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với quỹ đất do các tổ chức đang quản lý sử	08/3/2010	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản thay đổi, nội dung văn bản không còn phù hợp với

			dụng.		Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 25/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v tăng cường công tác quản lý các trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp
--	--	--	-------	--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5983/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu nhà ở phường Bình Trưng Đông, Quận 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 24/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 62/2012/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về sửa đổi một số điều của Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6707/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân Thành phố về duyệt đề án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng Quận 2 đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 3976/UBND-ĐTMT ngày 13 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công nhận Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trung làm chủ đầu tư dự án Khu nhà ở tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch-Kiến trúc tại Tờ trình số 3943/TTr-SQHKT ngày 23 tháng 10 năm 2015 về trình duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở tại phường Bình Trưng Đông, Quận 2, với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí, quy mô, giới hạn phạm vi và tính chất khu vực quy hoạch:

- Vị trí khu vực quy hoạch: thuộc phường Bình Trưng Đông, Quận 2.

- Quy mô diện tích: 57.700,0 m² (theo Bản vẽ hiện trạng vị trí theo Hợp đồng số 26/12/HAA/2014 do Công ty TNHH đo đạc xây dựng Hoàng Anh Anh lập ngày 10 tháng 12 năm 2014).

- Giới hạn khu vực quy hoạch như sau:

+ Phía Đông Nam : giáp rạch Bà Queo.

+ Phía Đông Bắc : giáp đất trống.

+ Phía Tây Nam : giáp rạch Bà Queo.

+ Phía Tây Bắc : giáp dự án khu dân cư của Công ty TNHH Xây dựng và Kinh doanh nhà Văn Lang.

- Tính chất của khu vực quy hoạch: khu nhà ở thấp tầng.

2. Cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (chủ đầu tư dự án):

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng.

3. Đơn vị tư vấn lập đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:

Công ty Cổ phần Bất động sản - Kiến trúc - Xây dựng Thái Bình Dương.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:

- Thuyết minh tổng hợp.
- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tỷ lệ 1/500, bao gồm:
 - + Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.
 - + Bản đồ hiện trạng môi trường.
 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
 - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
 - Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng, tỷ lệ 1/500.
 - Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác và môi trường, tỷ lệ 1/500, bao gồm:
 - + Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn đô thị.
 - + Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc.
 - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
 - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500.

5. Quy mô dân số, các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

5.1. Quy mô dân số: 636 người.

5.2. Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
A	Đất nhóm nhà ở	40.266,98	69,79
1	Đất ở nhà thấp tầng	25.126,90	43,55

	Đất ở nhà liên kế có sân vườn	11.019,60	
	Đất ở nhà biệt thự	14.107,30	
2	Đất công viên cây xanh	744,50	1,29
3	Đất giao thông nhóm ở	14.395,58	24,95
B	Đất ngoài nhóm nhà ở	17.433,02	30,21
1	Đất giáo dục (trường mầm non)	2.818,50	4,88
2	Đất cây xanh cách ly ven rạch	3.345,70	5,80
3	Hồ điều tiết	1.264,92	2,19
5	Đất giao thông ngoài nhóm ở	10.003,90	17,34
Tổng cộng		57.700,00	100,00

5.3. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Khu nhà ở xây dựng mới dạng thấp tầng gồm:

- Khu nhà liên kế có sân vườn được bố trí ở phía Bắc đường N1.
- Khu nhà biệt thự được bố trí phía Nam đường N1 và dọc rạch Bà Queo.
- Khu công trình công cộng (trường mầm non) được bố trí ở phía Đông khu đất.
- Khu công viên cây xanh bố trí dọc rạch Bà Queo.

5.4. Các chỉ tiêu dự kiến về sử dụng đất quy hoạch đô thị:

STT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
A	Dân số dự kiến	người	636
B	Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu quy hoạch	m ² /người	90,72
C	Các chỉ tiêu sử dụng đất trong nhóm ở		
	Đất nhóm nhà ở, trong đó:	m ² /người	63,31
	- Đất ở nhà thấp tầng	m ² /người	39,51
	- Đất công viên cây xanh	m ² /người	1,17
	- Đất giao thông nhóm nhà ở	m ² /người	22,63
D	Các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị toàn khu		
	Mật độ xây dựng toàn khu	%	26,97

	Hệ số sử dụng đất toàn khu	lần	0,79
	Tầng cao xây dựng tối đa	tầng	03 (bao gồm các tầng theo QCVN03:2012/BXD)
	Chiều cao xây dựng tối đa	mét	15

6. Chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị cho các hạng mục công trình trong khu quy hoạch:

- Tổng diện tích đất toàn khu : 57.700,0 m².
- Tổng diện tích đất nhóm nhà ở : 40.266,98 m².
- Tổng dân số dự kiến : 636 người.
- Chỉ tiêu sử dụng đất toàn khu : 90,72 m²/người.
- Chỉ tiêu sử dụng đất nhóm nhà ở : 63,31 m²/người.
- Tầng cao tối đa (bao gồm các tầng theo QCVN 03:2012/BXD, không kể tầng hầm): 03 tầng.
- Chiều cao tối đa: 15 mét (tính từ cốt đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- Mật độ xây dựng toàn khu : 26,97%.
- Hệ số sử dụng đất toàn khu : 0,79 lần.

6.1. Các hạng mục công trình kiến trúc, như sau:

a) Nhà ở thấp tầng (nhà liên kế có sân vườn và nhà biệt thự):

- Diện tích đất ở : 25.126,9 m², trong đó:
 - + Đất nhà liên kế có sân vườn : 11.019,6 m².
 - + Đất nhà biệt thự : 14.107,3 m².
- Mật độ xây dựng tối đa trên từng lô đất:
 - + Nhà liên kế có sân vườn : 75%.
 - + Nhà biệt thự : 50%.
- Tổng diện tích xây dựng : 14.373,41 m², trong đó:
 - + Nhà liên kế có sân vườn : 7.319,76 m²;

- + Nhà biệt thự : 7.053,65 m².
- Quy mô dân số : 636 người, trong đó:
 - + Nhà liên kế có sân vườn : 344 người;
 - + Nhà biệt thự : 292 người.
- Tầng cao xây dựng : 03 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03:2012/BXD);
 - Chiều cao xây dựng tối đa công trình: 15 mét (tính từ cốt đường hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
 - Khoảng lùi xây dựng công trình:
 - + So với ranh lộ giới các trục đường : tối thiểu 3,0m.
 - + So với ranh đất phía sau từng lô nhà : tối thiểu 2,0m.
 - + So với ranh đất 02 bên hông nhà (đối với nhà biệt thự đơn lập) và so với ranh đất 01 bên hông nhà (đối với nhà biệt thự song lập): tối thiểu 2,0m.
 - Nhóm nhà thấp tầng được bố cục thành 08 cụm nhà có ký hiệu từ A đến H với các chỉ tiêu sử dụng đất theo bảng thống kê sau:

Ký hiệu	Số lượng lô	Diện tích lô đất (m ²)		Mật độ xây dựng tối đa (%)	Loại nhà	Ghi chú
		Mỗi lô	Toàn khu			
Khu A	42		5.390,10			
1	1	170,86	170,86	65,00	Liên kế	
2->7	6	114,00	684,00	75,00		
8	1	152,00	152,00	55,00		
9	1	160,90	160,90	50,00		Vật góc 5m x 5m
10->20	11	102,00	1.122,00	70,00		
21	1	174,50	174,50	52,00		Vật góc 5m x 5m
22	1	152,00	152,00	55,00		
23->28	6	114,00	684,00	75,00		
29	1	210,48	210,48	55,00		Vật góc 5m x 5m
30	1	218,16	218,16	55,00		Vật góc 5m x 5m
31->34	4	114,00	456,00	75,00		
35	1	256,00	256,00	60,00		

36	1	243,20	243,20	60,00			
37->41	5	109,20	546,00	73,00			
42	1	160,00	160,00	55,00			
Khu B	44		5.629,50				
1	1	224,00	224,00	55,00	Liên kế		
2->6	5	102,00	510,00	70,00			
7	1	165,72	165,72	75,00			
8	1	146,84	146,84	75,00			
9	1	127,94	127,94	75,00			
10	1	265,10	265,10	62,00			
11	1	317,40	317,40	70,00			
12->14	3	102,00	306,00	70,00			
15	1	136,00	136,00	53,00			
16	1	157,50	157,50	50,00		Vật góc 5m x 5m	
17->26	10	102,00	1.020,00	70,00			
27	1	157,50	157,50	50,00		Vật góc 5m x 5m	
28	1	136,00	136,00	53,00			
29->35	7	102,00	714,00	70,00			
36	1	194,40	194,40	55,00		Vật góc 5m x 5m	
37	1	215,10	215,10	55,00		Vật góc 5m x 5m	
38->43	6	102,00	612,00	70,00			
44	1	224,00	224,00	55,00			
Khu C	27		5.034,25				
1	1	234,50	234,50	50,00		Biệt thự	Vật góc 5m x 5m
2->7	6	171,00	1.026,00	50,00			
8	1	234,50	234,50	50,00	Vật góc 5m x 5m		
9->11	3	153,00	459,00	50,00			
12	1	281,00	281,00	50,00	Vật góc 5m x 5m		
13	1	238,60	238,60	50,00	Vật góc 7m x 7m		
14, 15	2	153,00	306,00	50,00			
16, 17	2	224,00	448,00	50,00			
18->20	3	153,00	459,00	50,00			
21	1	260,80	260,80	50,00	Vật góc 5m x 5m		

22	1	321,85	321,85	50,00		Vật góc 7m x 7m
23->27	5	153,00	765,00	50,00		
Khu D	28		6.001,42			
1	1	227,50	227,50	50,00		Vật góc 5m x 5m
2->4	3	180,00	540,00	50,00		
5	1	298,50	298,50	50,00		Vật góc 7m x 7m
6	1	232,73	232,73	50,00		
7	1	214,51	214,51	50,00		
8	1	214,30	214,30	50,00		
9	1	196,10	196,10	50,00		
10	1	195,87	195,87	50,00		
11	1	177,78	177,78	50,00		
12	1	182,53	182,53	50,00		
13	1	173,50	173,50	50,00	Biệt thự	
14	1	182,54	182,54	50,00		
15	1	173,58	173,58	50,00		
16	1	241,92	241,92	50,00		
17	1	518,06	518,06	50,00		Vật góc 7m x 7m
18	1	252,00	252,00	50,00		
19, 20	2	162,00	324,00	50,00		
21, 22	2	180,00	360,00	50,00		
23, 24	2	198,00	396,00	50,00		
25, 26	2	216,00	432,00	50,00		
27, 28	2	234,00	468,00	50,00		
Khu E	18		3.071,63			
1->9	9	153,00	1.377,00	50,00		
10	1	233,43	233,43	50,00		Vật góc 7m x 7m
11	1	305,20	305,20	50,00	Biệt thự	
12	1	238,00	238,00	50,00		
13->18	6	153,00	918,00	50,00		
Tổng	159		25.126,90			

b) Trường mầm non:

- Diện tích lô đất: 2.818,5 m².
- Mật độ xây dựng tối đa: 35%.
- Tầng cao xây dựng: 02 tầng (bao gồm các tầng theo QCVN 03:2012/BXD).
- Chiều cao xây dựng tối đa : 10 mét (tính từ cốt vỉa hè hoàn thiện đến đỉnh mái công trình).
- Hệ số sử dụng đất tối đa: 0,7 lần.

6.2. Cây xanh:

Tổng diện tích 4.090,2 m², bao gồm: cây xanh nhóm nhà ở là 744,5 m² và cây xanh ngoài nhóm nhà ở là 3.345,7 m².

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:**7.1. Quy hoạch giao thông:**

- Các công trình giao thông và công trình phụ trợ giao thông trong khu vực quy hoạch phải được thiết kế đồng bộ bảo đảm thuận lợi cho người và phương tiện tham gia giao thông; có hình thức kiến trúc, màu sắc bảo đảm yêu cầu mỹ quan, dễ nhận biết và thể hiện được đặc thù của đô thị đó, phù hợp với các công trình khác có liên quan trong khu vực quy hoạch.

- Hệ thống được quy hoạch mới dựa trên hệ thống giao thông khu vực đã xây dựng, có tính chất kết nối dự án với các khu vực lân cận. Độ dốc dọc đường $\leq 2,0\%$, dốc ngang 2%, bảo đảm thoát nước nhanh chóng. Tại các giao lộ, bán kính bó vỉa được thiết kế phù hợp tiêu chuẩn xây dựng.

- Bán kính cong bó vỉa : $R_{\min} = 12m$.
- Vạt góc : tối thiểu 5m x 5m.
- Mạng lưới giao thông:

STT	Tên đường	Chiều dài (mét)	Diện tích (m ²)	Lộ giới (mét)	Bề rộng đường (mét)			Ký hiệu mặt cắt
					Hè trái	Mặt đường	Hè phải	
A	Đất giao thông đối ngoại							
1	Đường N1	417,80	10.003,90	25	4,5	16	4,5	1 - 1
B	Đất giao thông đối nội							

1	Đường D1	66,90	485,20	14	3	8	3	4 - 4
2	Đường D2	191,40	3.128,10	16	4	8	4	2 - 2
3	Đường D3	98,80	1.470,80	14	3	8	3	3 - 3
4	Đường D4	54,10	781,10	12	3	6	3	5 - 5
5	Đường N2	346,20	4.947,80	14	3	8	3	4 - 4
6	Đường N3	73,30	925,28	10	3	6	1	6 - 6
7	Đường N4	54,80	839,80	12	3	6	3	5 - 5
		39,20	411,30	10	1	6	3	6 - 6
4	Đường N5	35,10	370,60	10	1	6	3	6 - 6
		68,00	1.035,60	12	3	6	3	5 - 5
Tổng cộng		1.445,60	24.399,48					

- Việc thể hiện tọa độ mốc thiết kế để tạo điều kiện thuận lợi cho việc công bố quy hoạch và cắm mốc giới xây dựng ngoài thực địa nhằm phục vụ quản lý quy hoạch xây dựng theo quy định, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 2, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trung và đơn vị tư vấn chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu trong đề án này.

7.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt:

7.2.1 Quy hoạch cao độ nền:

- Chọn cao độ xây dựng $H \geq 2,50m$ (hệ VN2000), tính đến phần thấp nhất ở mép đường.
- Chọn giải pháp tôn cao nâng nền đến cao độ xây dựng lựa chọn.
- Hướng đổ dốc: từ giữa tiểu khu ra xung quanh và về phía sông rạch.
- Cao độ thiết kế đường được xác định đảm bảo điều kiện kỹ thuật tổ chức giao thông và thoát nước mặt cho khu đất.

7.2.2 Giải pháp quy hoạch thoát nước mặt:

- Giải pháp thoát nước: sử dụng mạng lưới thoát riêng cho nước thải và nước mặt.
- Về tổ chức thoát nước: xây mới các tuyến cống thoát nước mặt dọc các trục đường giao thông nội bộ rồi dẫn thoát ra kênh rạch trong khu vực, đảm bảo thoát nước triệt để cho khu vực.
- Nguồn thoát: thoát về phía kênh, rạch.

- Cống thoát nước mặt xây mới sử dụng cống ngầm, nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ dốc cống đảm bảo khả năng tự làm sạch $i \geq 1/D$, độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c = 0,70m$.

7.2.3 Lưu ý:

- Về kỹ thuật tổ chức vượt dốc chuyển đổi cao độ đảm bảo hiệu quả kết nối nền giữa dự án với khu vực tiếp giáp, đề nghị nghiên cứu đề xuất chi tiết trong giai đoạn thiết kế cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

- Việc san lấp, nắn chỉnh kênh rạch trong phạm vi dự án và hành lang cách ly rạch cần tuân thủ thực hiện theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 và Công văn số 6814/UBND-ĐTMT ngày 11 tháng 10 năm 2007 (diện tích hồ điều tiết bằng 1,2 lần diện tích rạch bị san lấp) của Ủy ban nhân dân Thành phố.

7.3. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

- Nguồn điện: được cấp từ trạm 110/15-22KV Cát Lái.

- Chỉ tiêu cấp điện: 3 - 5 KW/căn hộ.

- Xây dựng mới các trạm biến áp 15-22/0,4KV, kiểu trạm phòng, công suất đơn vị $\geq 320KVA$.

- Mạng lưới cấp điện:

+ Xây dựng mới mạng trung hạ thế, sử dụng cáp đồng bọc cách điện, định hướng xây dựng ngầm.

+ Hệ thống chiếu sáng các trục đường, dùng đèn cao áp sodium, có chóa và cần đèn đặt trên trụ thép tráng kẽm.

7.4 Quy hoạch cấp nước :

- Nguồn cấp nước: sử dụng nguồn cấp nước máy Thành phố dựa vào tuyến ống cấp nước Ø300 trên đường Vành đai phía Đông từ nhà máy nước Thủ Đức.

- Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng nhu cầu dùng nước: 193 - 232 m³/ngày.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa vào hệ thống cấp nước chính của khu quy hoạch mạng dịch vụ bố trí mới các trụ lấy nước chữa cháy tại ngã 3, ngã 4 đường với khoảng cách giữa các trụ chữa cháy là 150m.

- Mạng lưới cấp nước: xây dựng mạng lưới cấp nước có đường kính Ø100 -

Ø150 trên các trục đường chính quy hoạch tạo thành mạch vòng, mạch nhánh cung cấp nước đến từng khu vực sử dụng.

7.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

7.5.1. Thoát nước thải:

- Giải pháp thoát nước thải:

+ Giai đoạn đầu: xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Nước thải được thu gom và đưa về trạm xử lý công suất $Q=170 \text{ m}^3/\text{ngày}$, sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT.

+ Giai đoạn dài hạn: nước thải được đưa về nhà máy xử lý nước thải khu vực, sau xử lý đạt TCVN 7222-2002.

- Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.

- Tổng lượng nước thải: 137 - 164 $\text{m}^3/\text{ngày}$.

- Mạng lưới thoát nước: hệ thống thoát nước thải trong khu vực có đường kính Ø300 đi trên các trục đường chính khu quy hoạch hướng về trạm xử lý cục bộ đặt trong khu quy hoạch. Độ sâu đặt cống tối thiểu là 0,7m tính từ mặt đất đến đỉnh cống.

7.5.2 Xử lý chất thải rắn:

- Tiêu chuẩn chất thải rắn sinh hoạt: 1,3 kg/người/ngày.

- Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt: 0,827 tấn/ngày.

- Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: chất thải rắn thải được thu gom và đưa đến trạm ép kín, sau đó vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn Thành phố.

7.6. Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Chỉ tiêu điện thoại cố định: 1 thuê bao/căn hộ.

- Định hướng đầu nối từ Đài điện thoại hiện hữu (Trạm Bình Trung) xây dựng tuyến cáp chính đi dọc các trục đường giao thông đến các tủ cáp chính của khu quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc được ngầm hóa đảm bảo mỹ quan khu quy hoạch và đáp ứng nhu cầu thông tin thông suốt trong khu quy hoạch.

- Hệ thống các tủ cáp xây dựng mới được lắp đặt tại các vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và dễ dàng trong công tác vận hành, sửa chữa.

7.7. Đánh giá môi trường chiến lược :

Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

- Chất thải rắn được phân loại tại nguồn, sau đó được thu gom và vận chuyển đến khu xử lý của Thành phố.
- Nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải cục bộ đạt QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thoát ra môi trường.
- Bố trí diện tích cây xanh đạt QCVN 01:2008/BXD nhằm điều hòa vi khí hậu.
- Quy hoạch khoảng cách ly rạch Bà Quẹo là 10m.
- Bố trí hồ điều tiết 0,13 ha phía Đông Nam khu quy hoạch.
- Lồng ghép trong quy hoạch các giải pháp nhằm thích nghi và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu.

7.8. Tổng hợp đường dây đường ống:

Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

8. Các nội dung lưu ý khác:

- Sau khi đồ án này được phê duyệt, chủ đầu tư cần lập dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét thẩm định và phê duyệt bổ sung.
- Về nhà ở xã hội: thực hiện theo quy định tại Điều b, Khoản 2, Điều 6 của Nghị định số 188/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.
- Công tác cấm mốc quy hoạch được duyệt cần thực hiện theo Thông tư số 15/2010/TT-BXD ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng quy định về cấm mốc giới và quản lý mốc giới theo quy hoạch đô thị và Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Nội dung chi tiết cụ thể của hệ thống hạ tầng kỹ thuật đến từng công trình trong phạm vi ranh dự án, Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm lập thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án và trình các cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định, đảm bảo kết nối mạng lưới hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.
- Trong quá trình tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng tại các khu vực

có sông, kênh, rạch trong khu vực quy hoạch; Ủy ban nhân dân Quận 2, Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan cần quản lý chặt chẽ việc tuân thủ về chỉ giới hành lang sông, kênh, rạch đã được quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định quản lý, sử dụng hành lang sông, kênh, rạch trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân Quận 2, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng và đơn vị tư vấn lập quy hoạch, đơn vị lập bản đồ hiện trạng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị và tọa độ ranh mốc giới trong hồ sơ bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 này.

- Công tác cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt này cần thực hiện theo Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 12 tháng 05 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Trong quá trình tổ chức định vị, xác định cột mốc tại hiện trường, nếu có sai lệch vị trí điểm nối kết hệ thống của đồ án được duyệt này với các dự án đầu tư xây dựng kế cận hoặc sai lệch hướng tuyến theo quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt tại khu vực, chủ đầu tư cần báo cáo Ủy ban nhân dân Quận 2 phối hợp Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc để hướng dẫn xử lý và điều chỉnh đồ án cho phù hợp trước khi triển khai thi công hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

- Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng cần lập dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để trình Sở Quy hoạch - Kiến trúc xem xét thẩm định và phê duyệt bổ sung.

- Trường hợp đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 được duyệt này không khớp với đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Bình Trưng Đông - Cát Lái (66,06ha) được duyệt về chức năng sử dụng đất, về hệ thống đường giao thông,...; hoặc ranh giới và quy mô diện tích đất được giao có thay đổi so với đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt, Chủ đầu tư cần lập hồ sơ điều chỉnh quy hoạch chi tiết để cơ quan thẩm quyền xem xét thẩm định, phê duyệt lại theo quy định.

- Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng có trách nhiệm lập và trình cơ quan thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở hệ thống hạ tầng kỹ thuật và công viên cây xanh để triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ cho toàn khu vực quy hoạch. Trong đó đặc biệt lưu ý đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề hạ tầng kỹ

thuật như: đầu nối giao thông, san nền và thoát nước mưa, thoát nước bản và xử lý nước thải.

- Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc thẩm định và phê duyệt Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/500 theo quy định.

Điều 3. Quyết định này đính kèm thuyết minh tổng hợp và các bản vẽ quy hoạch được nêu tại khoản 4, Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Thành phố, Thủ trưởng các Sở - Ban - Ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Trưng và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hữu Tín

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 47/QĐ-UBND

Quận 6, ngày 09 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2014**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản;

Căn cứ Quyết định số 2095/QĐ-UBND ngày 06/8/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 6 về phân công công tác các Thành viên Ủy ban nhân dân quận 6;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp quận 6 tại Công văn số 40/TP ngày 09 tháng 01 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận 6 hết hiệu lực toàn bộ năm 2014.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Tư pháp

quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 14 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6
HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2014
(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 09/01/2015
của Ủy ban nhân dân quận 6)

STT	Tên loại văn bản	Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên gọi của văn bản/Trích yếu nội dung của văn bản	Lý do hết hiệu lực	Ngày hết hiệu lực
1	Quyết định	17/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008	Về ban hành quy định về quy trình thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn quận 6	Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản	17/11/2014
2	Quyết định	10/2008/QĐ-UBND ngày 21/7/2008	Về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-TW ngày 22/02/2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình	Quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của Ủy ban nhân dân quận 6 về việc bãi bỏ văn bản	17/11/2014
Tổng số: 02 văn bản					

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng